

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **145/2019/DS-PT**

Ngày: 20 - 5 - 2019

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải**.

Các Thẩm phán: Ông **Huỳnh Hiếu**

Ông **Trần Văn Đạt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Hoàng Phương**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 195/2018/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1941; (có mặt)

Địa chỉ: Số 219, tổ 2, ấp Tân Q, xã T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1940; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Tháng 6/1975, bà có cho bà Nguyễn Thị S mượn số tiền 300 đồng (tiền của chính quyền Sài Gòn cũ), bà S hứa 10 ngày trả, nhưng đến hạn bà S

không trả. Sau đó bà S trốn đi, bà tìm mãi không được. Năm 2017, bà gặp lại bà S. Ngày 15/5/2017, bà đến nhà bà S để yêu cầu bà S trả nợ và bà có ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà và bà S, lúc này có mặt của các con bà S. Ngày 09/6/2017, Ủy ban nhân dân xã H có mời hai bên đến hòa giải nhưng không thành. Nay bà yêu cầu bà S trả cho bà số tiền nợ 300 đồng (tiền chính quyền Sài Gòn cũ) quy đổi giá trị hiện nay là 150.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bà không đồng ý ý kiến bà S về việc tự nguyện trả cho bà số tiền 2.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà xác định khoảng năm 1975, bà có nợ bà Ng 100 đồng (tiền của chính quyền Sài Gòn cũ), thời gian đã lâu bà không nhớ rõ sự việc này, hiện nay 100 đồng thời điểm năm 1975 không còn giá trị nữa, phía bà Ng cho rằng bà nợ 300 đồng vào năm 1975 và tự quy đổi thành giá trị hiện nay 150.000.000 đồng là không có cơ sở. Nay chỗ tình nghĩa bà đồng ý tự nguyện trả cho bà Ng 2.000.000 đồng, không đồng ý trả 150.000.000 đồng. Bà Ng có cung cấp một đĩa ghi âm, bà xác định do bà Ng tự ghi, bà không biết.

* Bản án sơ thẩm số: 195/2018/DS-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 217, khoản 1 Điều 228, 235, 243, 266, 267 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 357 và 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả số tiền nợ là 150.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị S trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Ng có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà S chậm thi hành thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng thời gian chậm thi hành án.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 09/11/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 195/2018/DSST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà, buộc bà S trả số tiền 150.000.000 đồng.

Tại Phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đòi bị đơn Nguyễn Thị S phải trả 300 đồng tiền ngân hàng cách mạng lâm thời Cộng hòa miền nam Việt Nam thời điểm tháng 6/1975 tương ứng với giá trị hiện nay là 150.000.000 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị S vắng mặt nên các bên đương sự không có thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến nhận xét về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm chuẩn bị nghị án đều thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên cho rằng bản án dân sự số 195/2018/DS-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng là có căn cứ đúng pháp luật, nên đề nghị giữ y. Về phần án phí bà Ng yêu cầu xem xét lại nên căn cứ vào Luật người cao tuổi và Nghị quyết số 326 của UBTVQH khóa 14 miễn án phí cho bà Ng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa 1 phần án sơ thẩm cho các đương sự miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và nội dung phân tích đề nghị của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị Ng thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đúng với qui định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được tiến hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về phía bị đơn Nguyễn Thị S có đơn xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi hòa giải đến khi xét xử xong vụ án (BL 196). Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị S.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Ng kiện đòi bà S trả 300 đồng bà cho mượn tháng 6/1975 qui ra thời điểm hiện nay là 150.000.000 đồng nên tòa sơ thẩm xác định tranh chấp đòi lại tài sản là đúng với tính chất vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung tranh chấp: Bà Ng cho rằng vào tháng 6/1975 sau lần đổi tiền thứ nhất bà cho bà S mượn 300 đồng tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành đổi tiền chế độ Sài Gòn cũ. Sau khi cho mượn bà S bỏ trốn mất, đến năm 2017 bà mới gặp lại bà S. Nay bà yêu cầu bà S trả cho bà 300 đồng qui đổi giá trị hiện nay là 150.000.000 đồng.

Bà S xác định khoảng năm 1975 bà có mượn bà Ng 100 đồng tiền Chính quyền Sài Gòn cũ. Hiện nay 100 đồng của thời điểm năm 1975 không còn giá trị nhưng vì chỗ tình nghĩa bà tự nguyện trả cho bà Ng 2.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của bà Ng thuộc phạm vi xem xét giải quyết theo qui định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 155 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 467, 471 của Bộ luật dân sự năm 1995.

Án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng đòi bà S trả 150.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà S trả cho bà Ng 2.000.000 đồng. Bà Ng kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ng nhận thấy: Bà Ng xác định vào khoảng tháng 6/1975 bà cho bà S mượn 300 đồng tiền do Ngân hàng Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam phát hành nhưng đến nay chưa trả. Nay bà Ng tự qui đổi một đồng thời điểm năm 1975 thành 500.000 đồng vào thời điểm hiện nay để đòi bà S trả cho bà 150.000.000 đồng. Bà S xác định vào thời điểm năm 1975 có mượn của bà Ng 100 đồng tiền chế độ Sài Gòn cũ, nay tiền đó không còn giá trị nhưng bà tự nguyện trả cho bà Ng 2.000.000 đồng.

[4.1] Xét về số tiền cho mượn hai bên khai không thống nhất. Nguyên đơn khai cho mượn 300 đồng tiền do Ngân hàng Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam phát hành vào thời điểm tháng 6/1975 và qui đổi 300 đồng thời điểm đó bằng 150.000.000 đồng hiện nay nhưng việc cho mượn không có làm giấy tờ. Còn phía bị đơn chỉ thừa nhận vào thời điểm năm 1975 có mượn của nguyên đơn 100 đồng, do thời gian quá lâu đồng tiền cũ không còn giá trị, nay xin tự nguyện trả cho nguyên đơn 2.000.000 đồng. Như vậy ngoài lời thừa nhận của bị đơn thì nguyên đơn bà Ng không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có giá trị pháp lý chứng minh được số tiền cho mượn là 300 đồng và giá trị qui đổi từ 300 đồng của năm 1975 thành 150.000.000 đồng vào thời điểm hiện nay.

[4.2] Quá trình giải quyết vụ án bà Ng có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C và Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thu thập chứng cứ từ cơ quan chức năng về giá trị đồng tiền được so sánh hoặc qui đổi từ năm 1975 với thời điểm hiện nay. Thực hiện yêu cầu trên, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành việc thu thập chứng cứ từ các cơ quan: Ngân hàng nhà nước; Sở tài chính tỉnh Tiền Giang, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang, Tổng công ty lương thực Miền Nam, Kho bạc nhà nước... Về giá trị 300 đồng năm 1975 qui đổi ra thời điểm hiện nay; về tỷ giá USD so với đồng Việt Nam năm 1975 và hiện nay; Về giá vàng và giá lương thực (lúa, gạo) thời điểm năm 1975 - 1985. Nhưng tất cả các cơ quan trên đều có văn bản trả lời không có cơ sở dữ liệu lưu giữ để cung cấp hoặc không thuộc chức năng quản lý dữ liệu... nên không thể cung cấp theo yêu cầu của Tòa án được. Vì vậy không có cơ sở tìm ra giá trị thật của 300 đồng tiền Ngân hàng Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam, năm 1975 so với hiện nay.

[4.3] Về phía bà Ng xác định, bà cho bà S mượn 300 đồng vào khoảng tháng 6/1975 tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã đổi tiền lần thứ nhất từ chế độ Sài Gòn, nhưng qua tài liệu Tòa án thu thập từ cơ sở dữ liệu của hệ thống ngân hàng cho thấy: “Đề loại bỏ đồng tiền của Chính quyền Sài Gòn khỏi đời sống kinh tế xã hội, thống nhất tiền tệ trong cả nước. Bộ Chính trị quyết định phát hành đồng tiền ngân hàng Việt Nam ở miền Nam, thu đổi đồng tiền của chế

độ Sài Gòn. Đợt thu đổi diễn ra từ ngày 22/9/1975 đến ngày 30/9/1975 với tỷ lệ 1 đồng tiền ngân hàng Việt Nam mới bằng 500.000 đồng tiền của chính quyền Sài Gòn cũ. Do đó việc bà Ng xác định cho bà S mượn 300 đồng vào tháng 6/1975 sau khi đổi tiền của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam là không có căn cứ.

[4.4] Về tỉ lệ hối đoái cũng theo dữ liệu của hệ thống ngân hàng nhà nước Việt Nam ghi nhận, sau thời điểm đổi tiền tháng 9/1975 thì 1 USD = 1,51 đồng tiền chính phủ cộng hòa miền nam Việt Nam. Với tỷ lệ này thì theo lời thừa nhận của bà S có mượn của bà Ng 100 đồng nên được qui đổi như sau: $(100 : 1,51 = 66,22 \text{ USD})$. Theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng nhà nước công bố hiện nay thì 1 USD = 23.045 VNĐ. Như vậy vào thời điểm hiện tại $66,22 \text{ USD} \times 23.045 \text{ VNĐ}$ sẽ là 1.526.039,90 đồng.

Do đó án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng đòi bà S trả 150.000.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của bà S trả cho bà Ng 2.000.000 đồng là có căn cứ. Bà Ng kháng cáo nhưng hoàn toàn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới; chứng minh được số tiền cho bà S mượn từ năm 1975 tương đương với giá trị 150.000.000 đồng tại thời điểm hiện nay, ngoài đĩa ghi âm CD được sang ra từ điện thoại di động, giữa bà Ng với bà S về cuộc nói chuyện xung quanh việc vay mượn tiền nhưng phần nội dung trong đĩa đã được bà Ng ghi lại tại tờ tường trình ở bút lục số 46 mà bà đã nộp cho Tòa án sơ thẩm cũng không chứng minh được số tiền cụ thể đã cho bà S mượn năm 1975 và giá trị thật của số tiền đó hiện nay nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng.

Về án phí: Tòa sơ thẩm xử buộc bà S phải chịu 300.00 đồng án phí dân sự sơ thẩm và bà Ng phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi theo hồ sơ thể hiện bà Ng sinh năm 1941 đến năm 2018 bà đã 77 tuổi. Bà S sinh năm 1940 đến năm 2018 bà đã 78 tuổi. Theo Điều 2 Luật người cao tuổi quy định người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên. Còn theo khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí “đ)...người cao tuổi...”. Căn cứ vào các quy định nêu trên nên miễn án phí cho bà Ng và bà S.

Từ những nội dung trên phân tích xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng. Sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 195/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 155, Điều 357 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 467, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 1995.

Áp dụng Điều 2 Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội khóa 12; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng về việc đòi bà Nguyễn Thị S trả 150.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị S trả cho bà Nguyễn Thị Ng 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Ng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2/ Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị Ng.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ng 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07286 ngày 31/7/2018 và 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu 09400 ngày 09/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải